

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



## ĐỀ ÁN

**TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH  
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG  
CHO VIỆT NAM**

*(Kèm theo Tờ trình số 932/TTr-ĐHNH ký ngày 16 tháng 9 năm 2019)*

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
P. HIỆU TRƯỞNG  
(đã ký)**

**PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung**

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2020**

## MỤC LỤC

<b>1. Giới thiệu về Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh</b> .....	<b>3</b>
1.1. Lịch sử, tầm nhìn, sứ mạng.....	3
1.2. Kinh nghiệm và năng lực đào tạo Tiếng Anh.....	6
<b>2. Các điều kiện chung</b> .....	<b>8</b>
2.1. Cơ sở vật chất tổ chức thi .....	8
2.2. Phần mềm tổ chức thi trên máy tính.....	10
2.3. Đội ngũ kỹ thuật viên hỗ trợ công nghệ thông tin và hỗ trợ các phương tiện kỹ thuật khác .....	11
2.4. Cán bộ phân tích đề thi .....	11
<b>3. Điều kiện về đội ngũ cán bộ thực hiện thi ĐGNLNN và Ngân hàng câu hỏi tiếng Anh</b> .....	<b>11</b>
3.1. Cán bộ ra đề thi.....	11
3.2. Cán bộ chấm thi .....	12
3.3. Ngân hàng câu hỏi .....	12
<b>4. Kế hoạch tổ chức thi năm 2019, 2020</b> .....	<b>13</b>
<b>5. Cam kết thực hiện đề án</b> .....	<b>23</b>
<b>6. Phụ lục minh chứng</b>	

# NỘI DUNG ĐỀ ÁN TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

## 1. Giới thiệu về Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

### 1.1. Lịch sử, tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu

**Tên tiếng Việt:** Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

**Tên tiếng Anh:** Banking University of Ho Chi Minh City (BUH)

**Website:** <http://buh.edu.vn>

**Trụ sở chính:**

36 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

(028) 38 291901 FAX: (028)38 212584

**Cơ sở Hàm Nghi**

39 Hàm Nghi, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

**Cơ sở Hoàng Diệu**

56 Hoàng Diệu II, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

**Ngày thành lập:** 16/12/1976 thành lập Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng tại Tp. Hồ Chí Minh và qua nhiều giai đoạn phát triển đến ngày 20/8/2003 đổi tên thành Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh theo Quyết định 174/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

**Thành tích nổi bật**

Với lịch sử 45 năm hình thành và phát triển kể từ tháng 12/1976 Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh là một trong hai trường đại học công lập hàng đầu của ngành ngân hàng trong hệ thống giáo dục Việt Nam từ trường đơn ngành nay trở thành trường đào tạo đa ngành cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Với những đóng góp to lớn cho ngành và cho xã hội, Trường đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1986), Huân chương Lao động hạng Hai (năm 1993), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2003), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2011), Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm 2016) và nhiều phần thưởng khác như Cờ Thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước và nhiều bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân

các tỉnh, thành cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phong trào, đoàn thể của Trường.

### ***Cơ cấu tổ chức***

Hiện tại, cơ cấu tổ chức của Trường ngoài Ban Giám hiệu còn gồm 33 đơn vị trực thuộc, chia thành 04 khối: khối phòng ban chức năng và tương đương gồm 13 đơn vị; khối khoa, bộ môn trực thuộc Ban Giám hiệu gồm 11 đơn vị; khối các trung tâm gồm 04 đơn vị; khối Đảng và đoàn thể gồm 05 đơn vị. Cơ cấu tổ chức này hoạt động khá hiệu quả và năng động, công tác soát xét điều chỉnh cơ cấu tổ chức luôn được quan tâm và thực hiện qua từng thời kỳ để đáp ứng yêu cầu phát triển ngày một sâu rộng của Trường.

Qua hơn 45 năm thành lập và phát triển, hiện nay Trường có 7 ngành đào tạo ở bậc cử nhân: Tài chính - Ngân hàng (TC – NH), Kế toán - Kiểm toán (KT – KT), Quản trị Kinh doanh (QTKD), Hệ thống Thông tin Quản lý (HTTTQL), Tiếng Anh thương mại, Luật kinh tế (LKT) và Kinh tế quốc tế (KTQT). Riêng ngành TC - NH đào tạo đến trình độ thạc sĩ (ThS) và tiến sĩ (TS), ngành QTKD đến trình độ thạc sĩ (ThS). Ngoài ra, Trường đã đa dạng hóa các hình thức và hệ đào tạo theo nhu cầu người học như chương trình đào tạo 2 ngành song song, chương trình đào tạo chất lượng cao.

### ***Đội ngũ nhân sự***

Tính đến tháng 6/2019, Trường có 496 cán bộ, viên chức trong đó có 300 giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, cụ thể: PGS: 10 người (chiếm tỷ lệ 3,38%); , TS (bao gồm cả GV có học hàm PGS): 70 người (chiếm tỷ lệ 23,75%); giảng viên có trình độ ThS trở lên của Trường là 285 người, chiếm tỷ lệ 96,28%); Đại học: 11 người (chiếm tỷ lệ 3,72% ).

### ***Quy mô đào tạo***

Hoạt động đào tạo không ngừng mở rộng về ngành học, quy mô, trình độ và hình thức tổ chức. Đến năm 2019, Trường có 07 ngành học với 13 chương trình đại học, 02 chương trình tiến sĩ và 04 chương trình thạc sĩ, quy mô đào tạo tăng xấp xỉ 25 lần so với năm 1976, có đủ các cấp đào tạo từ đại học đến tiến sĩ và nhiều hình thức đào tạo khác nhau theo yêu cầu của người học.

Quy mô đào tạo đại học của Trường đạt bình quân 1.500 sinh viên/năm giai đoạn thập niên 80, ước khoảng 5.000 sinh viên/năm thập niên 90 và từ sau năm 2000 đến nay trung bình có 10.500 sinh viên/năm.

Quy mô đào tạo sau đại học của Trường ngày càng mở rộng, trong 05 năm trở lại đây trung bình hàng năm chỉ tiêu tuyển sinh là 350 học viên cao học và 30 nghiên cứu sinh.

Đối với hoạt động đào tạo liên kết và đào tạo cho lưu học sinh nước ngoài thì trong hơn 15 năm qua hoạt động này cũng có sự phát triển vượt bậc. Trường đã liên kết đào tạo các chương trình cử nhân quốc tế, thạc sĩ quốc tế với các đại học ở Anh quốc, Thụy Sĩ, Úc. Ngoài ra, hàng năm trường cũng tham gia đào tạo cho các lưu học sinh nước ngoài theo diện Hiệp định và theo diện tự do.

### ***Cơ sở vật chất***

Trường có 3 cơ sở, trong đó có 02 cơ sở tại Quận 1 và 01 cơ sở tại Quận Thủ Đức với tổng diện tích đất của Trường là 110.804 m<sup>2</sup> với 101 phòng học; Thư viện của Trường được bố trí trên một diện tích sử dụng là: 2.650 m<sup>2</sup> tại 02 cơ sở Quận 1 và Quận Thủ Đức, trong đó: (i) Cơ sở Quận 1 có diện tích 250 m<sup>2</sup> với 60 chỗ ngồi được bố trí theo mô hình Thư viện mở (sách, báo - tạp chí, TLTK, tài liệu điện tử), có 10 máy tính phục vụ truy cập internet miễn phí và 2 máy tính chuyên dùng tra cứu tài liệu và thực hành; (ii) cơ sở Quận Thủ Đức có diện tích 2.400 m<sup>2</sup> với 600 chỗ ngồi, gồm 1 tầng trệt, 2 tầng dùng để ngồi đọc tại chỗ, 01 phòng xử lý nghiệp vụ, 01 phòng đọc của giảng viên, có 36 máy tính phục vụ truy cập internet miễn phí và 12 máy tính chuyên dùng.

Trường có 9 phòng thực hành trang bị máy tính được nối mạng nội bộ và nối mạng internet phục vụ nhu cầu nhu cầu dạy, học và nghiên cứu khoa học, trong đó trang bị 2 phòng cho Viện Đào tạo quốc tế - Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM đặt tại quận 1; 07 phòng dùng chung cho các chuyên ngành khác tại Thủ Đức. Trường có khu vực đặt máy tính phục vụ thực hành và truy cập dữ liệu tại các cơ sở của Thư viện.

Trong chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030: Trường xác định tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu như sau:

+ Tầm nhìn: Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh là trường đại học định hướng ứng dụng đa ngành, thực hiện giáo dục - đào tạo con người phát triển toàn diện về tri thức - đạo đức - sáng tạo, là công dân toàn cầu.

+ Sứ mạng: “Tạo dựng môi trường hiện đại, duy trì bản sắc dân tộc, để người học phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy; đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội; sáng tạo và chuyển giao tri thức khoa học đáp ứng yêu cầu hội nhập;

thu nhận, nghiên cứu, phát triển và chuyển giao các thành tựu khoa học - công nghệ trong các lĩnh vực đào tạo của Trường.”

+ Mục tiêu: Hướng tới “xây dựng trường Đại học Ngân hàng thành trường đại học đa ngành; là đại học thuộc nhóm đầu hạng 2 trong tầng định hướng ứng dụng vào năm 2020 và nhóm đầu hạng 1 của tầng này, đồng thời đạt chuẩn khu vực vào năm 2030”.

## **1.2. Kinh nghiệm và năng lực đào tạo tiếng Anh của Trường Đại học Ngân hàng**

### **1.2.1. Khoa ngoại ngữ**

Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh hiện đang đào tạo cử nhân Tiếng Anh bậc đại học. Khoa Ngoại ngữ là một trong 9 khoa chuyên môn của Trường được thành lập năm 2005, là đơn vị hành chính cơ sở và quản lý học thuật, chịu trách nhiệm hành chính và học thuật đối với ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ và Văn hóa nước ngoài theo phân công và ủy quyền của Hiệu trưởng.

Đến nay, Khoa ngoại ngữ đã và đang giảng dạy, đào tạo 14 khóa Cử nhân ngoại ngữ (từ K.21- K.34) với mục tiêu đào tạo Cử nhân ngành ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại, đáp ứng yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ hiện nay là các giảng viên có trình độ chuyên môn cao tốt nghiệp từ các trường Đại học danh tiếng trong và ngoài nước, tất cả giảng viên đều có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, ra đề thi và chấm thi ngoại ngữ và được bồi dưỡng, bổ sung kiến thức theo quy định. Ngoài ra Trường còn có nhiều giảng viên hợp đồng có trình độ năng lực cao của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

Bên cạnh Ngôn ngữ đào tạo chính là tiếng Anh, Khoa ngoại ngữ hiện nay còn dạy tiếng Trung, Nhật.

- Tổ chức của khoa ngoại ngữ bao gồm:

+ Hội Đồng Khoa: Thành lập theo Quyết định số 1525/QĐ-ĐHNH ngày 04/08/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

+ Ban Chủ Nhiệm Khoa

+ Bộ môn Thực hành tiếng và tiếng Anh chuyên ngành

+ Lý thuyết tiếng - Văn hóa - Văn chương - Dịch thuật

+ Bộ môn Ngoại ngữ 2

+ Văn phòng

### **1.2.2. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học**

Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh và được thành lập theo quyết định số 380/QĐ-ĐHNH ngày 01 tháng 4 năm 2014 của Hiệu trưởng.

Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học có chức năng tham mưu cho Hiệu Trưởng về việc tổ chức, khai thác, thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về ngoại ngữ và tin học. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động do Hiệu trưởng ban hành và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Thực hiện kế hoạch mở lớp bồi dưỡng và đào tạo kiến thức về ngoại ngữ và tin học nhằm đáp ứng nhu cầu của người học.

+ Tổ chức thực hiện đào tạo và cấp chứng chỉ tiếng Anh tương đương cấp độ B1, B2 theo khung tham chiếu Châu Âu về Ngôn ngữ theo công văn 3132/BGDĐT-GDĐH ngày 18/06/2014.

+ Tổ chức kiểm tra, cấp chứng chỉ ngoại ngữ và tin học quốc gia cho các học viên của Trung tâm đã hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học bao gồm:

+ Ban lãnh đạo Trung tâm

+ Các bộ phận trực thuộc bao gồm:

- Bộ phận Khảo thí
- Bộ phận Văn phòng
- Bộ phận Phát triển chương trình và Tuyển sinh
- Bộ phận Kế toán
- Bộ phận Quản lý đào tạo và người học

## 2. Các điều kiện chung

### 2.1. Cơ sở vật chất tổ chức thi

- Trường có đủ cơ sở vật chất bao gồm trang thiết bị, tài liệu học tập và công nghệ thông tin để thực hiện công tác tổ chức thi.

- Tổng diện tích đất của Trường là 110.804 m<sup>2</sup>, trong đó tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo nghiên cứu khoa học của trường là 31.178,9 m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng/sinh viên đạt 3,1m<sup>2</sup>/sinh viên, đáp ứng quy định tại Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT (Quy định là 2,8m<sup>2</sup>/sinh viên). Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng hội thảo, hội trường lớn phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học được bố trí tại 3 cơ sở đào tạo của Trường, trong đó có 02 cơ sở tại Quận 1 và 01 cơ sở tại Quận Thủ Đức. Tuân suất sử dụng phòng học không quá tải, phù hợp với lịch tổ chức thi.

- Trường có đủ trang thiết bị dạy và học được bảo đảm về chất lượng đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động tổ chức thi. Trong đó, các trang thiết bị phương tiện hỗ trợ tổ chức thi chủ yếu là hệ thống trang thiết bị cho giảng đường, phòng máy tính. Tất cả các phòng học của Trường đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, bàn ghế, bảng trắng, viết bút lông, hệ thống quạt, ánh sáng, âm thanh, có hệ thống camera giám sát ghi được toàn bộ diễn biến của cả phòng thi liên tục trong suốt thời gian thi; có đồng hồ dùng chung cho tất cả thí sinh theo dõi được thời gian làm bài.

- Có đủ trang thiết bị ghi âm, phát âm, ghi hình, phần mềm chuyên dụng đáp ứng yêu cầu tổ chức thi.

- Có thiết bị cầm tay kiểm tra an ninh để kiểm soát, ngăn chặn được việc thí sinh mang tài liệu, đồ dùng trái phép vào phòng thi.

- Có nơi bảo quản đồ đạc của thí sinh.

- Có phòng làm việc Hội đồng thi, trực thi, giao nhận đề thi, bài thi; có thùng, tủ, có khóa chắc chắn để bảo quản đề thi và bài thi.

- Khu vực thi đảm bảo các yêu cầu an toàn, bảo mật và phòng chống cháy nổ.

**Bảng 1. Thống kê phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng**

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	2.176
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	04	560



3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	84	15.634,19
4	Phòng học dưới 50 chỗ	9	385,2
5	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	25	3.550
6	Các phòng chức năng khác (phòng làm việc của các bộ phận, phòng chuyên môn và phòng họp...)	25	4.849,31

*Nguồn: Phòng Quản trị Tài sản, 2018*

- Trường có Phòng Quản trị Tài sản là phòng chức năng phụ trách về cơ sở vật chất và đảm bảo, duy trì cơ sở vật chất đáp ứng tốt hoạt động học tập và nghiên cứu. Hàng năm, Phòng Quản trị Tài sản đều có kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì, tu sửa cơ sở vật chất trang thiết bị của Trường.

- Trường hiện cũng có 07 phòng máy chuyên dùng cho công tác khảo thí với 432 máy tính. Có thể tổ chức thi đồng thời cho 400 thí sinh thi cùng lúc. Các phòng máy của Trường được trang bị máy tính được nối mạng nội bộ và nối mạng internet phục vụ nhu cầu dạy, học và tổ chức thi. Ngoài ra, Trường có hai phòng LAB đáp ứng cho việc học và thi ngoại ngữ trên máy tính. Trường có khu vực đặt máy tính phục vụ thực hành và truy cập dữ liệu tại các cơ sở của Thư viện. Bên cạnh đó, Trường cũng có kế hoạch đưa vào vận hành phòng thực hành được trang bị cơ sở dữ liệu Thomson Reuters. Trường có quy trình rõ ràng trong việc bảo trì phòng máy tính.

**Bảng 2. Thống kê các phòng thực hành tin học, phòng LAB**

STT	Tên	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Phòng thực hành tin học	07	Máy tính, máy chiếu, âm thanh	728
2	Phòng LAB	02	Máy tính, máy chiếu, âm thanh, bàn ghế cabin	129,2

*Nguồn: Phòng Quản trị Tài sản, 2018*

- Hệ thống công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ và cập nhật để hỗ trợ công việc tổ chức thi.

- Trường có bộ phận chuyên môn thực hiện quản lý toàn bộ hạ tầng và hệ thống thiết bị tin học là Phòng Quản lý công nghệ thông tin, có nhiệm vụ quản lý, vận hành và bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống công nghệ thông tin toàn trường.

- Tất cả máy vi tính của Trường đều được nối mạng nội bộ, kết nối mạng Internet cáp quang và được lắp đặt cố định tại các phòng thực hành tin học, thư viện, phòng ban, khoa bảo đảm đủ phục vụ nghiên cứu khoa học và học tập cho giảng viên, người học và cho việc khảo thí. Bên cạnh máy tính, Trường cũng tiến hành lắp đặt các đường truyền Internet và Wifi với tốc độ đường truyền trung bình là 90MB/1MB và tổng số lượng đường truyền là 47 nhằm hỗ trợ hoạt động học tập và sinh hoạt cho sinh viên được thuận lợi.

- Các bộ phận, chuyên viên khối phục vụ quản lý của các phòng, khoa được trang bị máy vi tính và các thiết bị cần thiết theo tiêu chuẩn để hỗ trợ hiệu quả cho việc tổ chức thi.

- Trường có một hội trường lớn tại cơ sở Thủ Đức với diện tích 2.176 m<sup>2</sup>, với 900 chỗ ngồi, có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động hội thảo giới thiệu đến học viên về chương trình thi.

- Tại cơ sở Thủ Đức, Trường cũng có một nhà thi đấu đa năng diện tích 1.444 m<sup>2</sup>; một sân vận động với diện tích 5.056 m<sup>2</sup> và các tiện ích khác phục vụ cho học viên.

- Về chỗ ở cho sinh viên nội trú, Trường cũng có khu ký túc xá với tổng số phòng là 328 phòng với tổng diện tích là 25.134 m<sup>2</sup>.

- Trường có thư viện tại 2 cơ sở: cơ sở Quận 1 với diện tích 250 m<sup>2</sup> và cơ sở Quận Thủ Đức với diện tích 2400 m<sup>2</sup> với các trang thiết bị được trang bị đầy đủ phục vụ cho việc tra cứu tài liệu của người đọc.

## **2.2. Phần mềm tổ chức thi trên máy tính**

Trường Đại học Ngân hàng Tp.Hồ Chí Minh kết hợp với Trung tâm khảo thí quốc gia để triển khai phần mềm tổ chức thi tiếng Anh trên máy vi tính hoặc Trường sẽ trang bị phần mềm của Trường có sẵn. Phần mềm cho phép thi 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trực tiếp trên máy tính. Thời gian thi 4 kỹ năng trong vòng 01 ngày. Các đặc điểm cơ bản của phần mềm như sau:

- Thí sinh làm bài thông qua phần mềm cài đặt trên máy tính. Mỗi thí sinh 1 đề riêng biệt được lấy từ ngân hàng đề thi;

- Phần mềm quản lý thời gian từ phần thi và quản lý thời gian tổng thể. Khi thí sinh gặp sự cố phải đổi máy tính khác sẽ tiếp tục theo thời gian đã làm bài trước đó;

- Phần mềm cho kết quả chấm điểm 2 kỹ năng nghe và đọc. Riêng kỹ năng viết và nói có phân hệ quản lý việc cắt phách và giao nhận bài thi cho giảng viên chấm.

### ***2.3. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ công nghệ thông tin và hỗ trợ các phương tiện kỹ thuật khác***

Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh có đội ngũ cán bộ kỹ thuật có chuyên môn tốt, sử dụng thuần thục các thiết bị tin học, âm thanh, video phục vụ cho việc tổ chức và chấm thi.

Cán bộ của khoa Hệ thống thông tin trong kinh doanh, và phòng Quản lý công nghệ thông tin thuộc trường bao gồm 26 cán bộ. Trong đó có 01 tiến sĩ, và 19 thạc sĩ và 6 cử nhân.

### ***2.5. Cán bộ phân tích đề thi***

Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh có Ban Nghiên cứu và Kiểm định chất lượng đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam (gọi tắt là Ban Nghiên cứu và Kiểm định chất lượng). Ban Nghiên cứu và Kiểm định chất lượng đảm nhận phụ trách phân tích đề thi.

Nhà trường có 6 tiến sĩ, 4 thạc sĩ phân tích đề thi đáp ứng yêu cầu trong việc phân tích định dạng đề thi.

## **3. Điều kiện về đội ngũ cán bộ thực hiện thi ĐGNLNN và ngân hàng câu hỏi thi**

### **3.1. Cán bộ ra đề thi**

Trường có 16 cán bộ đã tham gia lớp bồi dưỡng cán bộ ra đề thi theo Quyết định số 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho người lớn) và theo Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Các cán bộ này đã hoàn thành và có chứng chỉ ra đề thi.

### **3.2. Cán bộ chấm thi**

Trường hiện có 20 cán bộ có chứng chỉ chấm thi nói và viết tiếng Anh theo Quyết định số 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho người lớn) và theo Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Và hiện tại, Trường đang cử 04 giảng viên tham gia khóa bồi dưỡng nghiệp vụ ra đề thi và chấm thi ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quyết định số 2282/QĐ-ĐHNH ngày 18/10/2019.

### **3.3. Ngân hàng câu hỏi**

Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh đang lên kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi theo định dạng VSTEP. Quy trình làm đề thi của Trường áp dụng đúng theo Quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa theo phụ lục II, ban hành kèm theo công văn số 1807/QLCL-QLT ngày 30/11/2017 cục Quản lý chất lượng.

Bước 1: Thành lập nhóm chuyên gia và nhóm cán bộ điều phối xây dựng ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa.

Bước 2: Xây dựng ma trận đề thi và thiết kế bản đặc tả đề thi (bản đặc tả đề thi sử dụng theo tài liệu hướng dẫn áp dụng định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam trong việc xây dựng đề thi và chấm thi được phê duyệt kèm theo Quyết định số 730/QĐ-BGDĐT ngày 11/03/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Bước 3: Soạn thảo câu hỏi thô

Bước 4: Rà soát, chọn lọc, biên tập và thẩm định câu hỏi

Bước 5: Thử nghiệm, phân tích, đánh giá câu hỏi

Bước 6: Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm

Bước 7: Xây dựng đề thi, thử nghiệm, phân tích, đánh giá, cân bằng độ khó của các đề thi

Bước 8: Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau thử nghiệm đề thi

Bước 9: Rà soát, lựa chọn, nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa

Đến thời điểm báo cáo hồ sơ, Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh đang lên kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi theo định dạng VSTEP. Theo kế hoạch, đến tháng 6 năm 2019 sẽ nộp minh chứng về ngân hàng câu hỏi thi đến Cục Quản lý chất lượng.

Trong thời gian chờ hoàn thiện ngân hàng đề thi chuẩn hóa, Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh phối hợp với Trung tâm Khảo thí quốc gia để tổ chức thi theo ngân hàng đề thi của Trung tâm Khảo thí quốc gia.

#### **4. Kế hoạch tổ chức thi năm 2020**

##### **4.1. Lịch thi dự kiến**

Trường Đại học Ngân hàng dự kiến tổ chức thi tại Trường (nếu số lượng đăng ký dự thi đạt yêu cầu để tổ chức hội đồng thi).

<b>STT</b>	<b>Ngày thi dự kiến</b>		<b>Bậc thi</b>	<b>Ghi chú</b>
1	04/04/2020	Thứ 7	2	
2	05/04/2020	Chủ nhật	3,4,5	
3	25/04/2020	Thứ 7	2	
4	26/04/2020	Chủ nhật	3,4,5	
5	16/05/2020	Thứ 7	2	
6	17/05/2020	Chủ nhật	3,4,5	
7	06/06/2020	Thứ 7	2	
8	07/06/2020	Chủ nhật	3,4,5	
9	27/06/2020	Thứ 7	2	
10	28/06/2020	Chủ nhật	3,4,5	
11	18/07/2020	Thứ 7	2	
12	19/07/2020	Chủ nhật	3,4,5	
13	08/08/2020	Thứ 7	2	
14	09/08/2020	Chủ nhật	3,4,5	
15	29/08/2020	Thứ 7	2	
16	30/08/2020	Chủ nhật	3,4,5	
17	19/09/2020	Thứ 7	2	
18	20/09/2020	Chủ nhật	3,4,5	
19	10/10/2020	Thứ 7	2	
20	11/10/2020	Chủ nhật	3,4,5	
21	31/10/2020	Thứ 7	2	

22	01/11/2020	Chủ nhật	3,4,5	
23	21/11/2020	Thứ 7	2	
24	22/11/2020	Chủ nhật	3,4,5	
25	12/12/2020	Thứ 7	2	
26	13/12/2020	Chủ nhật	3,4,5	

#### **4.2. Địa điểm thi: Trường Đại học Ngân hàng Tp.Hồ Chí Minh**

39 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM

#### **4.3. Đối tượng dự thi:** Tất cả các đối tượng có nhu cầu

#### **4.4. Nội hồ sơ dự thi**

##### **Cách 1:**

- Thí sinh đăng ký trực tiếp tại Văn phòng Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Trường Đại học Ngân hàng Tp.Hồ Chí Minh, 39 Hàm Nghi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh hoặc 56 Hoàng Diệu 2, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh để nộp hồ sơ và đóng lệ phí thi.

- Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

+ Phiếu đăng ký dự thi (mẫu)

+ 1 bản sao có công chứng: chứng minh nhân dân, hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu.

##### **Cách 2:**

- **Thí sinh nộp hồ sơ dự thi qua đường bưu điện bằng chuyển phát nhanh, hồ sơ thi gồm có:**

+ Phiếu đăng ký dự thi (mẫu)

+ 1 bản sao có công chứng: chứng minh nhân dân, hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu.

- Hồ sơ gửi đến: **Trung tâm ngoại ngữ - Tin học**

**Trường Đại học Ngân hàng Tp.Hồ Chí Minh**

39 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM hoặc 56 Hoàng Diệu 2, Quận Thủ Đức, Tp.HCM

#### **4.5. Mẫu đăng ký dự thi**

Ảnh 3x4  
Ảnh chụp  
không quá 3  
tháng

SỐ HỒ SƠ:.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI NGOẠI NGỮ  
THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM  
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP.HCM**

Họ và tên thí sinh: .....Nam/nữ:.....  
Ngày tháng năm sinh: .....Nơi sinh:.....  
Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:.....  
Ngày cấp CMND:.....Nơi cấp CMND:.....  
Số điện thoại:.....  
Nghề nghiệp:.....  
Nơi công tác:.....  
Đăng ký dự thi ngày:.....tháng.....năm.....  
Chứng chỉ tiếng Anh bậc.....theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam,  
tương đương cấp độ.....Theo Khung CEFR.  
.....,ngày.....tháng.....năm.....      ..... ,ngày.....tháng.....năm...

**Cán bộ làm thủ tục**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Thí sinh đăng ký dự thi**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

- Lưu ý:**
1. Thí sinh cần điền đầy đủ thông tin, chính xác thông tin vào Phiếu đăng ký dự thi và chịu trách nhiệm về các thông tin đã khai. Nếu vi phạm, thí sinh sẽ bị xử lý theo quy định.
  2. Lệ phí thi: 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng chẵn).
  3. Khi đăng kí dự thi thí sinh phải mang theo 03 ảnh chụp kích thước 3x4 (không scan), 01 bản sao chứng minh nhân dân / căn cước công dân. Chứng minh nhân dân / thẻ căn cước công dân có thị thực.
  4. Thí sinh không được mang đến khu vực thi điện thoại di động, vật thu phát tín hiệu, tư trang và đồ dùng cá nhân khác, thí sinh không được mang vào phòng thi mà phải cất vào nơi quy định và tự chịu trách nhiệm về toàn bộ tài sản.
  5. Thí sinh có mặt tại khu vực hội đồng thi 30 phút trước giờ thi.
  6. Thí sinh cập nhật thông tin kì thi tại: flic.edu.vn.

## 4.6. Định dạng đề thi bậc 2

Căn cứ theo Quyết định số 1481/QĐ- BGDĐT ngày 10/5/2016 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

### 4.6.1. Cấu trúc đề thi

<b>Kỹ năng thi</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>
<b>Nghe</b>	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó của bậc 2: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu giải thích.	Khoảng 25 phút, bao gồm thời gian 5 phút chuyển kết quả sang phiếu trả lời.	5 phần, 25 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn và 10 câu điền từ vào chỗ trống.	Thí sinh nghe các đoạn thông báo ngắn, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn và câu hỏi điền từ vào chỗ trống đã in sẵn trong đề thi
<b>Đọc</b>	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó bậc 2 đến bậc 3 thấp: hiểu từ vựng; đoán từ vựng trong ngữ cảnh, đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, định vị thông tin.	40 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần, 30 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn, 8 câu ghép ứng với nội dung của các thông báo ngắn và 7 câu trả lời câu hỏi.	Thí sinh đọc các dạng văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 2 đến bậc 3 mức thấp với tổng số từ dao động từ 700-750 từ. Thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng trong số các lựa chọn cho trước hoặc điền thông tin còn thiếu vào phiếu thông tin.



<b>Kỹ năng thi</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>
<b>Viết</b>	Kiểm tra kỹ năng viết câu và mệnh đề đơn giản, viết và trả lời thư, viết ghi nhớ, tin nhắn, lời nhắn, bưu thiếp.	35 phút	3 bài viết	<p>Phần 1: Thí sinh viết 5 câu hoàn chỉnh từ những cụm từ cho sẵn.</p> <p>Phần 2: Thí sinh viết một tin nhắn/một bản ghi nhớ trong công việc theo những yêu cầu cho sẵn.</p> <p>Phần 3: Thí sinh viết một bức thư /một bưu thiếp liên quan đến cuộc sống hàng ngày theo những yêu cầu cho sẵn.</p>
<b>Nói</b>	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: giao tiếp xã hội, trao đổi thông tin, khởi đầu, duy trì và kết thúc hội thoại, nêu ý kiến, giải thích ý kiến, gợi ý và trả lời gợi ý, miêu tả, so sánh.	10 phút (bao gồm 2 phút chuẩn bị)	4 phần	<p>Phần 1: <i>Chào hỏi</i></p> <p>Phần 2: <i>Tương tác xã hội</i> Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Thí sinh đặt tối đa 2 câu hỏi.</p> <p>Phần 3: <i>Miêu tả</i> Thí sinh miêu tả người, đồ vật, hoặc môi trường sống, làm việc và học tập cụ thể.</p> <p>Phần 4: <i>Thảo luận</i> Thí sinh được cung cấp một ý kiến và một gợi ý liên quan đến ý kiến. Thí sinh trả lời đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến và gợi ý đó.</p>

#### 4.6.2. Cách tính điểm thi và mô tả năng lực ứng với điểm thi

##### a. Cách tính điểm thi

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết, Nói được đánh giá hoặc quy đổi về thang điểm từ 0 đến 25.

- Điểm của bài thi được cộng từ điểm của mỗi kỹ năng thi, tối đa là 100 điểm, sau đó quy về thang điểm 10, làm tròn đến 0,5 điểm; được sử dụng để xác định mức Đạt hay Không đạt.

- Yêu cầu đối với mức Đạt: Có kết quả thi của cả 4 kỹ năng thi, tổng điểm của cả 4 kỹ năng đạt từ 6,5 điểm trở lên.

##### b. Mô tả năng lực ứng với điểm thi

Mức	Điểm	Mô tả tổng quát
<b>Đạt bậc 2</b>	>7,5	Thí sinh có thể định vị và hiểu các chi tiết cơ bản như các số lớn, danh từ ghép liên quan tới các chủ đề quen thuộc như trường học hoặc mua sắm; có thể đoán nghĩa các từ vựng đơn giản trong ngữ cảnh; nhận ra thông tin được diễn giải rõ ràng theo cách khác, xác định được các kết luận chính hay lập luận trong văn bản được trình bày rõ ràng và có chủ đề quen thuộc. Thí sinh có khả năng thực hiện được các chức năng giao tiếp xã hội căn bản, có khả năng miêu tả và trao đổi ý kiến một cách ngắn gọn về các vấn đề cụ thể, quen thuộc trong các tình huống giao tiếp xã hội hàng ngày; có thể đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, khởi đầu, duy trì và kết thúc một cuộc hội thoại ngắn và đơn giản; có thể viết thư từ giao dịch hay thư từ cá nhân cung cấp thông tin hay diễn đạt những thông điệp tương đối chi tiết về các chủ đề quen thuộc. Thí sinh kiểm soát được từ ngữ cơ bản, cấu trúc đơn giản, thỉnh thoảng mắc lỗi nhưng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.
	6,5-7,5	Thí sinh có thể định vị và hiểu được chi tiết cơ bản, dễ đoán trong các diễn đạt và các văn bản ngắn và đơn giản ở dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc

Mức	Điểm	Mô tả tổng quát
		<p>(ví dụ như các thông tin về cá nhân, gia đình, mua sắm, công việc); có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp thông thường như chào hỏi, giới thiệu bản thân, đề nghị, mời mọc, cảm ơn cũng như mô tả và trao đổi được về những chủ điểm quen thuộc trong các tình huống đơn giản trong đời sống hàng ngày. Thí sinh cũng có thể viết một cách ngắn gọn và đơn giản về các chủ điểm gần gũi hàng ngày và sử dụng các cụm từ, các câu đơn và các công cụ liên kết câu cơ bản.</p>
<p><b>Không đạt bậc 2</b></p>	<p>&lt; 6,5</p>	<p>Thí sinh có khả năng hiểu nhưng thường chưa đầy đủ các chi tiết về thời gian, số, tên riêng... trong các văn bản ngắn và đơn giản ở dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc như thời gian biểu, các mẫu quảng cáo, các trao đổi hay thư từ cá nhân. Thí sinh có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp xã hội căn bản như giới thiệu bản thân, cảm ơn, xin lỗi nhưng ngôn ngữ sử dụng rất hạn chế. Chiến lược giao tiếp mà thí sinh sử dụng (nếu có) chỉ ở mức đơn giản như đề nghị giám khảo nhắc lại yêu cầu hoặc câu hỏi khi không hiểu hoặc chưa hiểu rõ và diễn đạt điều mình muốn nói bằng ngôn ngữ cử chỉ hoặc biểu cảm khi không thể diễn đạt bằng ngôn từ. Thí sinh cũng có thể viết những cụm từ, câu tách biệt, ngắn về bản thân, nơi sống và công việc và có thể viết được bưu thiếp ở mức rất ngắn gọn, đơn giản; sử dụng được một số từ vựng cơ bản gồm các từ, cụm từ biệt lập thuộc các tình huống cụ thể cũng như sử dụng được một cách rất hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp, mẫu câu, phương tiện liên kết,... Tuy nhiên, vẫn mắc nhiều lỗi sử dụng từ và cấu trúc cơ bản một cách hệ thống.</p>

#### 4.7. Định dạng đề thi bậc 3,4,5

Căn cứ theo quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/03/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

##### 4.7.1. Cấu trúc đề thi

<b>Kỹ năng thi</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>
<b>Nghe</b>	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	3 phần, 35 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn đã in sẵn trong đề thi.
<b>Đọc</b>	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.	60 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi nhiều lựa chọn sau mỗi bài đọc.

<b>Kỹ năng thi</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>
<b>Viết</b>	Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết luận (viết sản sinh).	60 phút	2 bài viết	<p>- Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ. Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết.</p> <p>- Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng lí do và ví dụ cụ thể để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.</p>
<b>Nói</b>	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.	12 phút	3 phần	<p>- Phần 1: Tương tác xã hội Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau.</p> <p>- Phần 2: Thảo luận giải pháp Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại.</p> <p>- Phần 3: Phát triển chủ đề Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.</p>

#### **4.7.2. Quy định về quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực**

##### **a. Cách tính điểm thi**

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết và Nói được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến 0,5 điểm.

- Điểm trung bình của 4 kỹ năng, làm tròn đến 0,5 điểm, được sử dụng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Anh.

##### **b. Bảng quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực**

<b>Điểm trung bình</b>	<b>Bậc năng lực</b>	<b>Mô tả tổng quát</b>
<b>Dưới 4,0</b>	<b>Không xét</b>	Không xét khi sử dụng định dạng đề thi này.
<b>4,0 – 5,5</b>	<b>3</b>	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực về câu từ, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng tiếng Anh. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lí do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.
<b>6,0 – 8,0</b>	<b>4</b>	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kĩ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

<b>Điểm trung bình</b>	<b>Bậc năng lực</b>	<b>Mô tả tổng quát</b>
8,5 – 10	5	Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì, và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng tốt các kiểu tổ chức văn bản, liên từ và các phương tiện liên kết.

#### **4.8. Danh sách phòng thi**

Trước ngày thi 3 ngày, thí sinh xem danh sách phòng thi và số báo danh tại website: <http://flic.edu.vn>; <http://buh.edu.vn>

#### **4.9. Kết quả thi**

Thông báo tại website hoặc dán danh sách tại bảng thông báo của Trường sau 14 ngày làm việc kể từ ngày thi.

#### **4.10. Chứng chỉ**

Thí sinh đạt yêu cầu nhận Chứng chỉ sau 20 ngày làm việc kể từ ngày thi.

#### **4.11. Thông tin liên hệ**

Địa chỉ: Trung tâm ngoại ngữ - Tin học, Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM  
39 Hàm Nghi, Quận 1, Tp. HCM hoặc 56 Hoàng Diệu 2, Quận Thủ Đức, Tp. HCM  
ĐT: 028-38214055/ 028 38 971649

Email: [info@flic.edu.vn](mailto:info@flic.edu.vn) hoặc Email: [trungtamnnth@buh.edu.vn](mailto:trungtamnnth@buh.edu.vn)

Website: <http://flic.edu.vn>; <http://buh.edu.vn>

### **5. Cam kết thực hiện đề án**

Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh cam kết thực hiện việc tổ chức thi đánh giá năng lực và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.